

Bản số: 14/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 08-7-2021

V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH THÁI NGUYÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Hữu Như

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Tất Dũng

Bà Dương Thị Thu Hằng

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Lô Thị Lệ Hoài – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên tòa:

Ông Vũ Hoàng Thái- Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 46/2021/TLST - HNGĐ ngày 26 tháng 3 năm 2021 về việc tranh chấp Hôn nhân gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2021/QĐXXST - HNGĐ ngày 25/5/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Long Văn T, sinh năm 1995/ có mặt.

Trú tại: Xóm K, xã V, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên

Bị đơn: Chị Hoàng Thị D, sinh năm 1996/ vắng mặt lần thứ hai.

HKTT: Xóm K, xã V, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Chỗ ở hiện tại: Xóm L, xã V, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết, xét xử vụ án nguyên đơn anh Long Văn T trình bày: Anh và chị D kết hôn năm 2020, có đăng ký kết hôn tại ủy ban nhân dân xã V, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên trên cơ sở tự nguyện và có tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau tại nhà anh T ở xóm K, xã V, huyện Đ. Vợ chồng chỉ sống hòa T, hạnh phúc trong thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng không hợp nhau về tư tưởng và cách sống nên cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Vì vậy, cả hai quyết định sống ly thân từ tháng 3/2021 cho đến nay, không quan tâm đến nhau nữa.

Nay anh T xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống thực tế không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị D.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Đối với bị đơn là chị Hoàng Thị D: Tòa án đã tổng đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án đối với chị D để thông báo về việc thụ lý vụ án và để chị D đến Tòa án viết bản tự khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa. Tuy nhiên chị D không đến Tòa án tham gia giải quyết vụ án, do vậy Tòa án đưa vụ án ra xét xử tại phiên tòa ngày hôm nay. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị D đang đi làm ăn xa, không hợp tác giải quyết việc ly hôn. Vì vậy, Tòa án đã lập biên bản làm việc với bà Triệu Thị T1 – mẹ đẻ của chị D để xác minh tình trạng hôn nhân của anh T - chị D. Tại biên bản xác minh ngày 30/3/2021 bà T1 cung cấp thông tin về tình trạng hôn nhân của anh T - chị D như sau: Anh T và chị D kết hôn trên cơ sở tự nguyện, tự tìm hiểu nhau, được cả hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương và có đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn, anh T và chị D cùng chung sống với nhau tại xóm K, xã V, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Bà T1 không hiểu lý do gì mà chị D tự ý bỏ nhà chồng đi làm ăn không về nhà chồng nữa. Đồng thời cũng không liên hệ gì với bà. Bà chỉ nghe hàng xóm nói chuyện về việc chị D vẫn đăng bài trên mạng xã hội. Chị D biết việc Tòa án đang giải quyết vụ án ly hôn giữa chị với anh T, chị còn giục anh T giải quyết ly hôn để giải phóng cho cả hai bên. Về con chung, vợ chồng chị D và anh T không có con chung. Anh T và chị D không có tài sản chung, nợ chung.

Do chị D không có mặt ở nơi cư trú nên Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng và đưa vụ án ra xét xử theo đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ phát biểu quan điểm đây là vụ án “Tranh chấp Hôn nhân và gia đình”, căn cứ Điều 28, 35, 39 BLTTDS Tòa án nhân dân huyện Đ thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền. Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự (nguyên đơn) kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án, đã được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật. Không có vi phạm, không có đề xuất hay kiến nghị gì.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, 39, 147, Điều 227, 228, 235, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

- Về quan hệ vợ chồng: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh T, cho anh T được ly hôn với chị D.

- Về con chung: Không có.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: Không có.

- Về án phí: Anh T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn anh Long Văn T khởi kiện xin ly hôn với bị đơn là chị Hoàng Thị D. Bị đơn có hộ khẩu thường trú và cư trú tại xã V huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thông báo hợp lệ cho nguyên đơn, bị đơn đến Tòa án trình bày bản tự khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định của pháp luật nhưng chị D đều vắng mặt. Tòa án đã tổng đạt, niêm yết hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập phiên tòa, quyết định hoãn phiên tòa nhưng chị D không đến tham gia tố tụng tại phiên tòa xét xử vụ án, vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Vì vậy HĐXX căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 BLTTDS xét xử vắng mặt chị Hoàng Thị D.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Long Văn T và chị Hoàng Thị D kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn nên đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Căn cứ lời khai của nguyên đơn, ý kiến của thân nhân bị đơn thấy rằng mâu thuẫn vợ chồng là do vợ chồng không cùng quan điểm sống dẫn đến bất đồng. Hai bên chung sống với nhau thời gian rất ngắn đã sống ly thân nên không thể hiểu và cảm thông cho nhau và cũng không tạo cơ hội cho cả hai để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Do đó, hôn nhân đổ vỡ không thể khắc phục được. Tại phiên tòa, anh T xác định vợ chồng ly thân đã lâu, không còn quan tâm đến nhau không còn khả năng đoàn tụ, mâu thuẫn vợ chồng đã trở nên trầm trọng không thể hàn gắn, đời sống chung không thể tiếp tục, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy yêu cầu xin ly hôn của anh T được Hội đồng xét xử chấp nhận. Căn cứ vào Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình giải quyết cho anh Long Văn Thuận được ly hôn với chị Hoàng Thị D.

[3] Về con chung: Không có.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, anh Long Văn T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm sung quỹ Nhà nước.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, 39, 147, 174, 177, Điều 227, 228, 235, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc

Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của anh Long Văn T, cho anh Long Văn T được ly hôn chị Hoàng Thị D.

[2]. Về con chung: Không có.

[3]. Tài sản chung: Không có.

[4]. Về nợ chung: Không có, không xem xét giải quyết.

[5]. Án phí: Anh Long Văn T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm sung quỹ Nhà nước. Được trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0006629 ngày 26/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

[6]. Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, báo cho nguyên đơn là anh Long Văn T biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn là chị Hoàng Thị D vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TN;
- VKSND huyện Đ;
- THADS huyện Đ;
- Các đương sự;
- UBND xã V;
- Lưu VT, HSVA.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Hữu Nhường

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Hữu Nường

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TN;
- VKSND huyện Đ;
- THADS huyện Đ;
- Các đương sự;
- UBND xã V;
- Lưu VT, HSVA.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Đỗ Hữu Nường

